

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 131/2018/TT-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018

THÔNG TƯ**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 145/2013/TT-BTC
ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn
kế hoạch dự trữ quốc gia và ngân sách nhà nước chi cho dự trữ quốc gia***Căn cứ Luật dự trữ quốc gia ngày 20 tháng 11 năm 2012;**Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;**Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật dự trữ quốc gia và Nghị định số 128/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia và phân công cơ quan quản lý hàng dự trữ quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ;**Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;**Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước;**Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 145/2013/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế hoạch dự trữ quốc gia và ngân sách nhà nước chi cho dự trữ quốc gia (sau đây gọi là Thông tư số 145/2013/TT-BTC).***Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 145/2013/TT-BTC****1. Khoản 1 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“1. Hằng năm, căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước về dự trữ quốc gia, Thủ trưởng các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia phân bổ, giao kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước về dự trữ quốc gia cho các đơn vị dự trữ quốc gia trực thuộc, đảm bảo trong phạm vi dự toán được giao và chi tiết theo từng danh mục mặt hàng được phê duyệt; đồng thời gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ Nhà nước) để kiểm tra, theo dõi. Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phân bổ của Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia, Bộ Tài chính (Tổng cục

Dự trữ Nhà nước) có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia điều chỉnh lại đối với trường hợp phân bổ không đúng danh mục, không đúng tổng mức, không đúng chính sách, chế độ hiện hành của pháp luật đã quy định và không đúng chi tiết theo từng nội dung chi về dự trữ quốc gia đã được giao”.

2. Khoản 1 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Cùng với kỳ lập kế hoạch dự trữ quốc gia 5 năm, các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia lập kế hoạch tài chính 5 năm chỉ cho dự trữ quốc gia; hàng năm cùng với việc lập kế hoạch dự trữ quốc gia, các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia lập dự toán ngân sách nhà nước năm sau chỉ cho dự trữ quốc gia.

Kế hoạch tài chính 5 năm, dự toán ngân sách nhà nước hàng năm chỉ cho dự trữ quốc gia được lập theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn, bao gồm:

- a) Ngân sách nhà nước chỉ cho mua hàng dự trữ quốc gia.
- b) Ngân sách nhà nước chỉ cho nghiệp vụ dự trữ quốc gia bao gồm: Chi hoạt động nhập, xuất, cứu trợ, viện trợ, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng dự trữ quốc gia; chi nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ bảo quản cho bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia và các khoản chi khác phục vụ công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

Ngân sách nhà nước chi mua hàng dự trữ quốc gia và chi nghiệp vụ dự trữ quốc gia nêu tại Điểm a và Điểm b Khoản này được tổng hợp và gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ Nhà nước) để chủ trì, tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương trong kế hoạch tài chính quốc gia 5 năm và hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

c) Ngân sách nhà nước chỉ cho đầu tư xây dựng cơ bản được gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để chủ trì, tổng hợp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và dự toán chi đầu tư phát triển hàng năm theo quy định của Luật đầu tư công và Luật ngân sách nhà nước.

d) Ngân sách nhà nước chỉ cho hoạt động của bộ máy quản lý dự trữ quốc gia và chỉ cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dự trữ quốc gia, chi nghiên cứu khoa học được tổng hợp chung trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các bộ, ngành theo quy định của Luật ngân sách nhà nước”.

3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Khoản 3 và bổ sung Khoản 4 Điều 8 như sau:

“2. Trường hợp chưa mua hàng ngay, trong thời hạn 30 ngày sau khi kết thúc đợt bán hàng, các đơn vị thuộc bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia và Tổng cục Dự trữ Nhà nước được giao nhiệm vụ bán hàng dự trữ quốc gia phải nộp số tiền bán hàng dự trữ quốc gia vào tài khoản tiền gửi vốn dự trữ quốc gia do bộ, ngành hàng dự trữ quốc gia quản lý, hoặc tài khoản tiền gửi vốn dự trữ quốc gia tại Kho bạc Nhà nước do Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ Nhà nước) quản lý (đối với các đơn vị trực thuộc Tổng cục Dự trữ Nhà nước).

Khi có nhu cầu sử dụng số tiền bán hàng đã nộp để thực hiện mua hàng dự trữ quốc gia, các đơn vị đề nghị Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia, hoặc Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước (đối với các đơn vị trực thuộc Tổng cục Dự trữ Nhà nước) cấp vốn mua hàng theo đúng quy định.

3. Trường hợp vốn bán hàng dự trữ quốc gia không sử dụng để mua hàng dự trữ quốc gia, các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia và Tổng cục Dự trữ Nhà nước phải thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt bán hàng, đồng thời báo cáo Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ Nhà nước) về số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước để tổng hợp báo cáo theo quy định.

4. Đối với số tiền thu được từ bán hàng đã nộp vào tài khoản tiền gửi vốn dự trữ quốc gia mà chưa sử dụng hết trong năm, chậm nhất đến hết ngày 05 tháng 02 năm sau bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia, Tổng cục Dự trữ Nhà nước có trách nhiệm đối chiếu số dư tiền gửi với Kho bạc Nhà nước và có văn bản cùng hồ sơ kèm theo gửi Tổng cục Dự trữ Nhà nước thẩm định; chậm nhất đến trước ngày 10 tháng 02 năm sau, Tổng cục Dự trữ Nhà nước có văn bản gửi Kho bạc Nhà nước để Kho bạc Nhà nước thông báo cho bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia, Tổng cục Dự trữ Nhà nước số dư tiền gửi được chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện mua hàng dự trữ quốc gia hoặc nộp vào ngân sách nhà nước theo đúng quy định; đồng thời gửi Tổng cục Dự trữ Nhà nước để theo dõi."

4. Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 5 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Cấp vốn mua hàng dự trữ quốc gia

a) Thực hiện chi theo hình thức lệnh chi tiền: Trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia hoặc đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước (đối với hàng dự trữ quốc gia do Tổng cục Dự trữ Nhà nước trực tiếp quản lý) cùng hồ sơ cấp vốn kèm theo; trong phạm vi 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Tổng cục Dự trữ Nhà nước kiểm tra hồ sơ, thủ tục đã đáp ứng các điều kiện chi theo quy định và lập Thông tri duyệt y dự toán gửi Vụ Ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính) cấp vốn theo điều khoản thanh toán ghi trong hợp đồng mua hàng dự trữ quốc gia cho các tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị dự trữ quốc gia. Trường hợp, trong hợp đồng nhập khẩu hàng dự trữ quốc gia có yêu cầu phải ký quỹ mở thư tín dụng (L/C) để thanh toán thì cấp vốn mua theo mức ký quỹ vào tài khoản ký quỹ của đơn vị ký hợp đồng nhập khẩu tại ngân hàng để thanh toán theo các điều khoản ghi trong hợp đồng nhập khẩu.

b) Hồ sơ cấp vốn theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Hồ sơ cấp vốn bằng hình thức lệnh chi tiền gồm:

a) Dự toán vốn mua hàng dự trữ quốc gia được cấp có thẩm quyền giao.

b) Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giá tối đa mua hàng dự trữ quốc gia hoặc văn bản của Bộ Tài chính về nguyên tắc xác định giá mua hàng dự trữ quốc gia do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được phân công quản lý;

c) Quyết định giá mua hàng dự trữ quốc gia của các bộ, ngành quản lý